

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm trong giằng co và đóng cửa tại mốc 1,830.50 điểm, giảm hơn 13 điểm so với hôm qua, chủ yếu do đà giảm của nhóm cổ phiếu Vin. Số mã tăng nhiều hơn số mã giảm; 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí, Tiện ích dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. VN-Index đã giảm xuống dưới đường viền cổ mô hình hai đỉnh mini cũng như SMA 20. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 27/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-13.22** điểm, đóng cửa tại **1830.5** điểm. HNX-Index **+5.54** điểm, đóng cửa tại **252.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+4.19)**, **VCB (+1.84)**, **FPT (+1.37)**, **PLX (+1.14)**, **GVR (+1.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-14.07)**, **VHM (-6.86)**, **TCB (-1.05)**, **VPL (-0.61)**, **HVN (-0.55)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,160** tỷ đồng, giảm **-17.81%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,638 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.91 điểm. Thị trường có **171** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **138** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-109.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-200.27 tỷ)**, **VCB (-185.05 tỷ)**, **VNM (-145.48 tỷ)**, **VHM (-116.88 tỷ)**, **MWG (-79.88 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.29%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - FPT (+3.65%)** ([Link báo cáo](#))
 - DBC (+3.63%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVS (+3.55%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.66%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GAS (+6.96%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVD (+6.93%)** ([Link báo cáo](#))
 - PLX (+6.84%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.29%	0.66%	-0.72%	-0.61%
1 tuần	-2.49%	-3.64%	-3.34%	-3.15%
1 tháng	9.56%	3.21%	5.82%	2.74%
3 tháng	7.39%	-3.30%	8.58%	3.60%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,830.50	252.84	126.92
% 1D	-0.72%	2.24%	0.28%
GTKL (tỷ VND)	24,160	1,454	567
%1D	-17.81%	-27.32%	-60.06%
GDNN (tỷ VND)	-109.77	-24.07	-162.11

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	238.07	VIC	-200.27
VCI	178.70	VCB	-185.05
GAS	120.81	VNM	-145.48
MBB	93.58	VHM	-116.88
FRT	82.01	MWG	-79.88

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,950	0.50%	0.15%
FTSE100	10,176	0.26%	0.48%
Eurostoxx	5,972	0.10%	1.62%
Shanghai	4,140	0.18%	0.64%
Nikkei	53,334	0.85%	0.57%

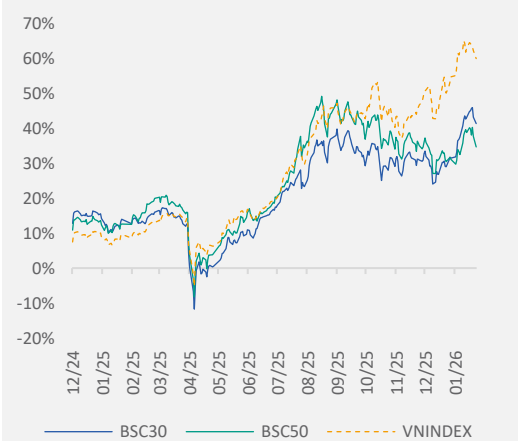
Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.23	0.51%
Giá vàng	5,082	0.84%
Tỷ giá		
USD/VND	26,330	-0.14%
EUR/VND	31,883	0.06%
JPY/VND	174	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

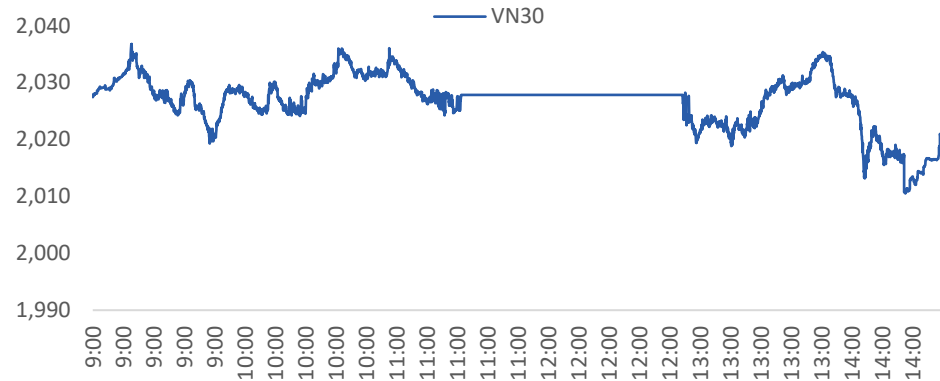
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G2000	2022.00	-0.69%	267,647	1.1%	13/02/2026	17
41I1G6000	2019.80	-0.75%	25	-52.8%	18/06/2026	142
41I1G9000	2017.80	-0.71%	42	-39.1%	17/09/2026	233
41I1G3000	2020.00	-1.33%	887	-3.80%	19/03/2026	51

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -12.40 điểm, đóng cửa tại 2019.88 điểm. Biên độ dao động 23.67 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, VNM, VJC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 chìm trong sắc đỏ trong phiên giao dịch hôm nay. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G2000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2530	9/02/2026	13	10,400	12.40%	113.32	290	52.6%	0.01	114.76	102.10	102.10
CFPT2510	23/02/2026	27	700	31.88%	131.45	150	50.0%	0.00	134.65	102.10	102.10
CSSB2504	23/02/2026	27	16,200	41.68%	23.12	400	37.9%	0.00	24.72	17.45	17.45
CSTB2532	8/09/2026	224	899,300	28.68%	68.70	3,650	20.9%	1.86	79.65	61.90	61.90
CHPG2516	23/02/2026	27	61,300	8.02%	27.57	300	20.0%	0.17	28.57	26.45	26.45
CSHB2505	23/02/2026	27	100	4.64%	11.77	2,950	19.9%	2.54	16.80	16.05	16.05
CFPT2531	11/05/2026	104	2,700	17.21%	113.32	1,070	16.3%	0.44	119.67	102.10	102.10
CFPT2521	23/06/2026	147	207,700	26.85%	121.24	440	15.8%	0.11	129.51	102.10	102.10
CFPT2524	25/06/2026	149	65,800	25.71%	117.47	440	15.8%	0.12	128.35	102.10	102.10
CFPT2517	23/06/2026	147	1,346,100	13.07%	105.89	1,110	15.6%	0.74	115.44	102.10	102.10
CFPT2503	26/03/2026	58	49,500	51.74%	153.64	150	15.4%	0.00	154.92	102.10	102.10
CFPT2527	9/03/2026	41	869,600	2.46%	89.17	1,950	14.7%	1.73	104.61	102.10	102.10
CLPB2509	25/06/2026	149	14,900	41.94%	56.33	410	13.9%	0.10	59.61	42.00	42.00
CFPT2526	25/06/2026	149	41,900	19.04%	114.11	750	13.6%	0.37	121.54	102.10	102.10
CFPT2525	25/03/2026	57	778,100	6.34%	101.94	670	13.6%	0.50	108.57	102.10	102.10
CTPB2505	3/03/2026	35	5,100	3.29%	14.94	740	12.1%	0.63	17.77	17.20	17.20
CMSN2516	23/06/2026	147	43,400	11.97%	72.00	3,470	11.9%	2.51	85.88	76.70	76.70
CFPT2518	23/09/2026	239	381,400	16.69%	105.89	1,540	11.6%	1.04	119.15	102.10	102.10
CFPT2604	28/12/2026	335	325,600	14.59%	96.00	2,100	11.1%	1.62	117.00	102.10	102.10
CFPT2607	29/06/2026	153	91,500	9.35%	93.00	3,730	11.0%	2.75	111.65	102.10	102.10

Nguồn: BSC

- Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 27/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2530 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 52.63%. CSTB2532 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.93%.
 - CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CDGC2501 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2512, CVHM2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	115.30	6.96%	4.19	2.41
VCB	70.60	1.44%	1.84	8.36
FPT	102.10	3.65%	1.37	1.70
PLX	60.90	6.84%	1.14	1.27
GVR	39.85	3.10%	1.07	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	71.50	10.00%	3.53	0.90
KSV	177.70	7.50%	1.46	0.20
PVI	90.40	4.99%	0.58	0.23
HUT	15.90	4.61%	0.43	1.07
PVS	40.80	3.55%	0.41	0.51

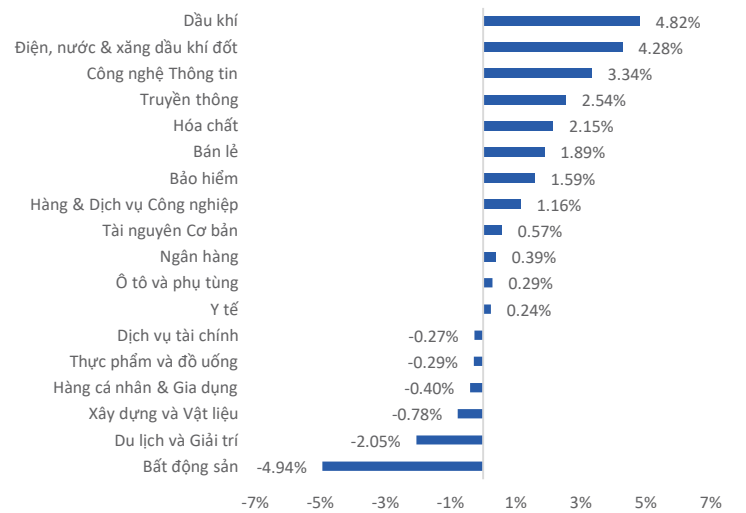
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	9.49	6.99%	0.01	0.04
COM	36.80	6.98%	0.01	0.01
GAS	115.30	6.96%	4.16	6.12
PVD	29.30	6.93%	0.24	14.39
JVC	6.03	6.91%	0.01	0.83

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	57.40	9.96%	0.21	0.00
PHN	65.80	9.85%	0.19	0.00
ONE	8.10	9.46%	0.02	0.05
CAN	30.10	9.45%	0.06	0.00
PEN	8.20	9.33%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	151.00	-5.57%	-14.07	7.73
VHM	110.60	-6.98%	-6.86	4.11
TCB	34.95	-1.96%	-1.05	7.09
VPL	91.90	-1.71%	-0.61	1.79
HVN	25.75	-3.20%	-0.55	3.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	121.40	-9.94%	-0.11	0.02
BAB	12.50	-0.79%	-0.05	1.00
CDN	33.20	-2.35%	-0.04	0.10
VC7	8.80	-4.35%	-0.02	0.10
TPP	12.00	-4.76%	-0.02	0.06

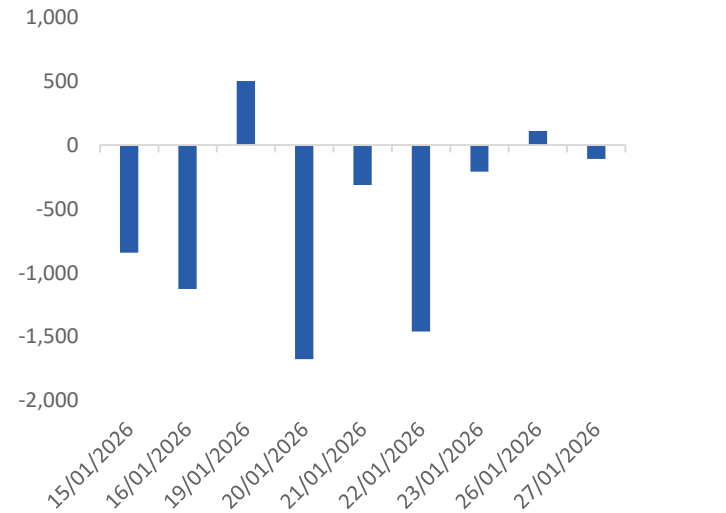
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	110.60	-6.98%	-6.82	10.19
ABT	65.00	-6.88%	-0.01	0.07
TCO	9.00	-6.83%	0.00	0.22
VCG	19.80	-6.82%	-0.19	38.34
ABR	13.75	-6.78%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	121.40	-9.94%	-0.81	0.00
BXH	13.20	-9.59%	-0.02	0.00
SMT	8.60	-9.47%	-0.02	0.00
DC2	5.90	-9.23%	-0.03	0.00
PGT	7.10	-8.97%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.0	1.1%	1.1	124,819	558.7	3,957	21.5	106,000	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	33.9	0.2%	1.5	31,878	182.3	1,872	18.1	46,000	11.3%	Link
KDH	Bất động sản	26.7	-3.4%	1.0	29,963	221.6	857	31.1	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	17.3	-0.3%	1.5	17,262	135.3	211	82.1	28,200	7.1%	Link
VHM	Bất động sản	110.6	-7.0%	1.5	454,280	1140.1	6,133	18.0	119,600	8.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	102.1	3.7%	0.7	173,928	1153.5	5,511	18.5	118,700	39.5%	Link
BSR	Dầu khí	21.5	3.1%	0.0	107,657	480.8	413		23,200	1.3%	Link
PVS	Dầu khí	40.8	3.6%	1.4	20,866	500.5	2,841	14.4	42,800	15.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.4	2.0%	1.4	25,217	305.7	1,454	16.1		33.6%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	30.9	-0.5%	1.3	76,850	559.4	1,877	16.4		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.5%	1.1	31,454	581.7	1,849	20.0		16.9%	Link
DCM	Hóa chất	35.8	2.9%	1.0	18,953	102.9	3,578	10.0	47,300	3.8%	Link
DGC	Hóa chất	67.5	-1.9%	0.6	25,635	338.8	8,296	8.1	109,300	6.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.7	-0.4%	0.8	126,875	326.3	3,385	7.3	28,400	28.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.3	0.1%	1.1	297,086	495.8	4,292	8.9	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	29.0	2.3%	1.2	145,153	659.6	3,001	9.7	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	26.5	1.5%	1.1	213,457	506.7	3,017	8.8	29,300	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	-0.4%	1.0	38,064	52.0	1,729	7.1	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	61.9	-0.2%	0.8	116,695	777.3	6,519	9.5		14.2%	Link
TCB	Ngân hàng	35.0	-2.0%	1.1	247,664	548.2	3,577	9.8	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	0.6%	1.1	47,714	127.6	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	70.6	1.4%	0.8	589,911	733.8	4,202	16.8	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	17.4	-0.3%	0.9	59,230	61.1	2,225	7.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.8	0.2%	1.4	220,563	358.3	3,024	9.2	35,650	25.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	0.6%	0.9	203,016	559.8	1,876	14.1	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	0.0%	1.2	9,874	50.2	1,184	13.4	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.6	3.6%	0.8	10,988	355.1	4,150	6.9	28,800	1.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.7	-0.8%	1.1	110,902	427.3	2,196	34.9	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	67.7	-1.7%	0.6	141,490	616.2	4,160	16.3	64,500	50.3%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.2	2.15%	1.1	9,997	91.5	2,408	18.8	21.9%		Link
FRT	Bán lẻ	154.7	6.62%	0.9	26,346	231.7	3,620	42.7	32.3%		Link
BVH	Bảo hiểm	69.0	1.77%	0.9	51,220	94.2	3,578	19.3	26.8%		Link
DIG	Bất động sản	15.6	0.32%	1.2	12,424	99.3	512	30.5	3.1%		Link
DXG	Bất động sản	15.0	2.39%	1.3	16,686	104.0	395	37.9	22.9%		Link
HDC	Bất động sản	21.0	0.24%	1.2	4,195	51.9	2,559	8.2	2.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	25.8	2.18%	1.3	9,527	59.1	938	27.4	19.0%		Link
IDC	Bất động sản	45.4	3.18%	1.2	17,229	197.1	5,090	8.9	13.7%		Link
NLG	Bất động sản	28.1	-4.43%	1.1	13,607	130.7	2,160	13.0	42.8%		Link
SIP	Bất động sản	57.5	2.50%	1.0	13,921	19.7	5,474	10.5	2.9%		Link
SZC	Bất động sản	31.0	2.14%	1.2	5,580	17.5	1,917	16.2	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.6	0.00%	1.3	13,317	66.8	801	18.2	10.3%		Link
VIC	Bất động sản	151.0	-5.57%	0.9	1,163,611	1036.8	1,147	131.6	3.0%		Link
VRE	Bất động sản	30.9	-0.32%	1.5	70,215	322.9	2,837	10.9	12.6%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.3	0.86%	0.8	8,210	10.8	1,680	21.0	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	60.9	6.84%	0.8	77,379	797.9	2,090	29.1	15.4%		Link
PVD	Dầu khí	29.3	6.93%	1.1	16,287	415.3	1,602	18.3	10.6%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.3	0.00%	0.9	11,175	38.9	1,161	27.8	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.1	0.00%	1.7	17,416	72.0	1,887	13.8	0.7%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	115.3	6.96%	0.9	278,213	697.2	5,014	23.0	2.3%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	0.00%	0.9	42,950	238.5	674	20.8	5.1%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.4	0.97%	0.6	33,799	19.8	4,776	13.1	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	178.8	-1.76%	0.8	105,780	348.8	2,897	61.7	7.0%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.7	0.00%	1.5	33,118	327.5	2,313	15.9	8.4%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.8	2.81%	0.9	28,063	78.7	3,492	18.8	38.3%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.8	0.89%	0.8	9,591	43.4	6,185	9.2	7.2%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.6	0.74%	0.9	9,657	75.7	2,090	9.8	10.7%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.6	2.30%	0.7	14,078	93.4	3,139	36.8	5.5%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	116.0	-0.68%	0.7	39,573	157.0	6,907	16.8	48.1%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.8	-1.47%	0.8	3,003	29.5	2,535	10.6	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.1	1.60%	1.2	2,459	7.2	3,163	6.0	17.5%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	23.3	1.30%	1.0	15,842	74.9	1,212	19.2	3.9%		Link
GVR	Hóa chất	39.9	3.10%	1.6	159,400	324.6	1,569	25.4	0.8%		Link
EIB	Ngân hàng	21.0	-2.78%	1.2	39,117	145.9	1,635	12.9	3.1%		Link
LPB	Ngân hàng	42.0	0.24%	0.7	125,466	61.5	3,824	11.0	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.00%	0.5	24,620	30.5	2,337	6.1	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	11.8	0.00%	0.8	31,291	18.0	1,460	8.1	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.9	0.00%	1.2	6,646	42.1	571	26.0	5.2%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.7	-1.66%	1.1	7,109	31.6	3,754	7.1	3.1%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.2	-4.37%	0.7	10,990	172.1	1,715	21.1	4.2%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	2.16%	0.6	63,551	69.5	3,373	14.7	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-2.50%	0.9	13,131	40.1	6,944	8.4	20.5%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	162.9	5.03%	0.1	13,335	65.3	15,010	10.9	84.5%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.3	0.52%	0.8	8,232	74.9	6,245	12.4	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	97.0	2.21%	1.0	11,095	65.9	5,128	18.9	5.6%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	-0.45%	0.9	4,455	25.1	3,037	14.6	9.1%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-1.63%	1.2	6,621	54.9	1,095	11.1	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.9	1.11%	1.1	9,398	78.4	1,377	16.6	14.1%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.8	-6.82%	1.1	12,800	760.4	6,148	3.2	4.0%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.0	-2.39%	1.2	20,176	46.0	3,090	14.6	2.6%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>